

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo”;

Căn cứ Nghị định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 hướng dẫn thực hiện quyết định số 66/2013/QĐ-TTG ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Trường Đại học Công Thương thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên năm học 2025-2026 như sau:

I. Đối tượng được miễn, giảm học phí:

1. Đối tượng miễn học phí và hồ sơ:

* **Đối tượng 1** (Miễn 100% học phí tính chỉ tích lũy): Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng. Hồ sơ cần nộp:

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- (3) Bản sao thẻ thương binh, bệnh binh, người có công....;
- (4) Biên bản hoặc giấy chứng nhận giám định y khoa do Hội đồng y khoa cấp tỉnh, xác định (đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học);
- (5) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- (6) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- (7) Giấy cam kết (theo mẫu 3).

* **Đối tượng 2** (Miễn 100% học phí tính chỉ tích lũy): Sinh viên bị khuyết tật. Hồ sơ cần nộp:

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;



- (3) Bản sao giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp quận/ huyện;
- (4) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- (5) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- (6) Giấy cam kết (theo mẫu 3);

* **Đối tượng 3** (Miễn 100% học phí tín chỉ tích lũy): Sinh viên mồ côi không có nguồn nuôi dưỡng, **tuổi không quá 22** (theo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội). Hồ sơ cần nộp:

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- (3) Bản sao giấy chứng tử của cha, mẹ đối với diện mồ côi;
- (4) Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội của UBND quận/huyện cấp;
- (5) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- (6) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- (7) Giấy cam kết (theo mẫu 3).

* **Đối tượng 4** (Miễn 100% học phí tín chỉ tích lũy): Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo. Hồ sơ cần nộp:

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- (3) Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo do UBND phường/xã cấp;
- (4) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- (5) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- (6) Giấy cam kết (theo mẫu 3).

* **Đối tượng 5** (Miễn 100% học phí tín chỉ tích lũy): Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ó Đu), ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Hồ sơ cần nộp:

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- (3) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- (4) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- (5) Giấy cam kết (theo mẫu 3);
- (6) Đơn xác nhận ở vùng kinh tế khó khăn (theo mẫu 4).

2. Đối tượng giảm học phí và hồ sơ:

* **Đối tượng 6** (Giảm 70% học phí tín chỉ tích lũy): Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người), ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi

ngang ven biển hải đảo (xem danh mục các văn bản quy định tại mục lưu ý). Hồ sơ cần nộp:

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- (3) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- (4) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- (5) Giấy cam kết (theo mẫu 3);
- (6) Đơn xác nhận ở vùng kinh tế khó khăn (theo mẫu 4).

*** Đối tượng 7 (Giảm 50% học phí tín chỉ tích lũy):** Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên. Hồ sơ cần nộp:

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- (3) Bản sao sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha/mẹ;
- (4) Bản sao quyết định của cơ quan mà cha/mẹ bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- (5) Biên bản hoặc giấy chứng nhận giám định thương tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- (6) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- (7) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- (8) Giấy cam kết (theo mẫu 3).

II. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

***Đối tượng:** Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

*** Hồ sơ:**

- (1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- (2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- (3) Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo do UBND phường/xã cấp;
- (4) Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu 5);

III. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

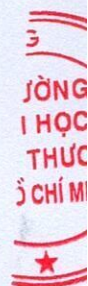
- Thủ tục và các biểu mẫu:

+ Sinh viên sao y bản chính các loại giấy tờ trên (thời gian sao y chưa quá 06 tháng kể từ ngày ký tính đến ngày nộp hồ sơ).

+ Sinh viên tải các biểu mẫu tại website Phòng Công tác sinh viên: <https://pctsv.huit.edu.vn>. (mục Biểu mẫu/Biểu mẫu miễn giảm học phí).

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 22/9/2025 đến ngày 31/10/2025.

- Địa điểm: Nộp trực tiếp tại Phòng Công tác Sinh viên (Gặp cô Nga).



Lưu ý:

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học ở nhiều trường (hoặc nhiều khoa trong cùng một trường) thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập tại một trường duy nhất.

- Nếu sinh viên thuộc nhiều đối tượng miễn, giảm học phí thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học tích lũy trong chương trình đào tạo, không áp dụng học lại, học cải thiện, bảo lưu.

- Danh mục các thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo:

1. Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025. *Xem quyết định tại đây*

2. Quyết định số 576/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ công nhận 09 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025 thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn (Điều chỉnh Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022). *Xem quyết định tại đây*

3. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. *Xem quyết định tại đây*

4. Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn. *Xem quyết định tại đây*

5. Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 (Điều chỉnh Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021). *Xem quyết định tại đây*

6. Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. *Xem quyết định tại đây*

7. Quyết định số 497/QĐ-UBDT ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (Điều chỉnh Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021). *Xem quyết định tại đây*

8. Văn bản số 296/BDTTG-CS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. *Xem văn bản tại đây*

9. Các quyết định của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

Nhà trường thông báo để toàn thể sinh viên biết và thực hiện. 

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị, GVCN/CVHT (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV. 



Nguyễn Xuân Hoàn

